

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I (2019-2020)

MÔN TIẾNG ANH LỚP 6

A. LÝ THUYẾT:

☐ UNIT 1:

1. The present simple tense (Thì hiện tại đơn giản)

a. Forms (công thức):

(+) I/we/you/they/ DT số nhiều + V (bare)

He/ she/ it/ DT số ít/ DT không đếm được + Vs/es

(-) I/we/you/they/ DT số nhiều + don't + V (bare)

He/ she/ it/ DT số ít/ DT không đếm được + doesn't + V (bare)

(?) Do + I/we/you/they/ DT số nhiều + V (bare)?

Does + He/ she/ it/ DT số ít/ DT không đếm được + V (bare)?

Yes, S + do/ does./ No, S + don't /doesn't

b. Uses (Cách dùng): Thì hiện tại đơn dùng để diễn đạt một hành động mang tính thường xuyên, thói quen hoặc hành động lặp đi lặp lại có tính quy luật.

c. Time expressions (Dấu hiệu nhận biết của thì hiện tại đơn giản):

- Trạng từ chỉ tần suất: always, usually, often, sometimes, rarely, seldom, never.

- Các trạng từ chỉ thời gian: every + N (every day), today, nowadays, Sundays, once a day, twice a week, ...

2. The present continuous tense (Thì hiện tại tiếp diễn)

a. Form

(+) S + tobe(am/is/are) + V-ing

(-) S + tobe + not('m not/isn't/aren't) + V-ing

(?) Tobe + S + V-ing...?

{Yes, S + tobe(am/is/are).

{No, S + tobe + not('m not/isn't/aren't)

b. Use (cách dùng): Thì hiện tại tiếp diễn dùng để diễn tả 1 hành động đang xảy ra tại thời điểm nói.

c. Dấu hiệu nhận biết của thì hiện tại tiếp diễn:

• Adverbs: now, at the moment, at present, right now

• Verbs: Look! Watch! / Listen! / Be (careful/quiet)!

• Answer questions with "Where"

☐ UNIT 2:

1. There is.... / there are.... (có)

2. Prepositions of place (các giới từ chỉ nơi chốn)

a. **In front of:** phía trước

b. **Behind:** Đằng sau

c. **Between:** ở giữa

d. **Opposite:** Đối diện với...

e. **Next to/ beside:** kế bên

g. **On:** Ở trên

h. **In:** Ở trong

i. **At:** Ở...

l. **Above/ over:** ở trên, cao hơn cái gì đó

m. **Under/ below:** Ở dưới, thấp hơn cái gì đó

n. **From:** từ nơi nào đó

☐ UNIT 3:

1. Describe appearance with " be" (miêu tả hình dáng với "be")

2. Describe appearance with " have" (miêu tả hình dáng với "have")

3. The present continuous for future (Thì hiện tại tiếp diễn diễn tả kế hoạch trong tương lai)

Dấu hiệu: this evening, this week, tonight, tomorrow, next +N (next week)

UNIT 4:

I. Comparative adjectives (So sánh hơn với tính từ)

1. short adj and long adjective:

* **Tính từ ngắn (short adjective):** là tính từ có một âm tiết, hoặc 2 âm tiết nhưng kết thúc bằng "y".

Ex. good, small, hot, thin, pretty, funny, ...

* **Tính từ dài (long adjective):** là tính từ có từ hai âm tiết trở lên, trừ trường hợp kết thúc bằng "y".

Ex. expensive, skillful, beautiful,....

a. Comparative with short adjective:

A + be (is/ am / are) + short adj-er + than + B.

Ex. I'm taller than my brother.

b. Comparative with long adjective:

A + be (is/ am / are) + more + long adj + than + B.

Ex. This dress is more expensive than my dress.

*** Note:**

- Tính từ có hai âm tiết kết thúc bằng "y" thì ta đổi "y" thành "i" rồi thêm "er".

Ex. happy - happier easy - easier

- Tính từ kết thúc bằng "e" thì chỉ thêm "r"

Ex. large - larger

- Nếu tính từ ngắn có một nguyên âm đứng giữa hai phụ âm thì gấp đôi phụ âm cuối rồi thêm "er".

Ex. hot - hotter thin - thinner.

- Một vài trường hợp là tính từ bất quy tắc:

adjective	comparative	meaning
good	better	tốt, hay, giỏi
bad	worse	xấu, tồi tệ
little	less	ít
many / much	more	nhiều
far	farther / further	xa

II. GIVING DIRECTIONS (Hỏi và trả lời về chỉ đường)

1. Asking the way:

Khi hỏi đường, chúng ta có thể dùng các cấu trúc câu hỏi sau:

- **How do I get to + ?**
- **Can / Could you tell/ show me the way to + ?**
- **Do you know where the + + is ?**

2. Giving the way (chỉ đường):

Khi chỉ đường chúng ta có thể dùng các câu và cụm từ sau:

- turn left/ right: rẽ trái / phải.
- go straight: đi thẳng.
- keep straight: cứ đi thẳng
- go along: đi dọc theo.
- go past: đi qua.
- cross: băng qua.
- It's around... : Nó ở xung quanh.....

- Take the first / second street/ turning on the left / right: rẽ trái/phải ở đường thứ nhất/ hai.
- It's next to.....: Nó ở bên cạnh.....
- It's at the end of : Nó ở cuối.....
- It's opposite..... : Nó đối diện.....
- It's on your left / right: Nó ở bên tay trái / phải của bạn.
- Turn right at the crossroad: Rẽ phải ở ngã tư.

● **UNIT 5:**

I. Superlative adjectives (so sánh hơn nhất với tính từ)

1. Superlative with short adjectives:

Ex. My brother is the tallest person in my family.

S + to be + the short adj + est + (noun) + (in / of.....+ n)

2. Superlative with long adjectives:

Ex. This dress is the most expensive dress in this shop.

S + to be + the most + long adj + (noun) + (in / of.....+ n)

3. Note:

- Tính từ từ hai âm tiết kết thúc bằng "y" thì đổi "y" thành "i" rồi thế " est"
- Ex. happy - happiest easy - easiest
- Tính từ kết thúc bằng "e" thì chỉ thêm " st"
- Ex. large - largest
- Nếu tính từ ngắn có một nguyên âm đứng giữa hai phụ âm thì gấp đôi phụ âm cuối rồi thêm "est"
- Ex. hot - hottest thin - thinnest
- Một vài trường hợp là tính từ bất quy tắc:

Adjective	Superlative	Meaning
good	the best	tốt, hay, giỏi nhất
bad	the worst	xấu, tồi tệ nhất
little	the least	ít nhất
many / much	the most	nhiều nhất
far	the farthest / furthest	xa nhất

II. Modal verb: must

- Động từ khuyết thiếu must (phải) được dùng để đưa ra một mệnh lệnh, sự cảm đoán.

Ex. You must finish your homework before going to bed. (MUST: phải...)

He must arrive here on time.

- Khi phủ định, chúng ta chỉ cần thêm " not" sau động từ "must". Có thể viết tắt là mustn't. (MUSTN'T: không được)

Ex. You mustn't play with fire.

He mustn't be late.

★ **Chú ý:**

- Ngoài động từ must thì các động từ khuyết thiếu thường gặp: can (có thể), should (nên), may - might (có lẽ),

- Động từ khuyết thiếu không cần chia ở ngôi thứ ba số ít: I must; She must; He must;...

- Động từ chính đứng sau không chia, ở dạng nguyên thể (có hoặc không có "to").

Ex. They must follow the rules.

- Không cần trợ động từ trong câu hỏi, câu phủ định. Vì bản thân từ " must" đã là một trợ động từ.

Ex. What must I do now ?

● **UNIT 6:**

1. The future simple:

a. Form:

(+) S + will + V.
 (-) S + will not (won't) + V.
 (?) Will + S + V?
 Yes, S + will.
 No, S + won't

Wh + will + S + V ?
 S + will + V.

Ex. My dad will cook lunch for my family tomorrow.

b. Uses: Thì tương lai đơn giản dùng để:

- **Diễn tả một quyết định, một ý định nhất thời nảy ra ngay tại thời điểm nói.**

Ex. Are you going to the supermarket now? I will go with you. (*Bây giờ bạn đang tới siêu thị à? Tôi sẽ đi với bạn.*)

Ta thấy quyết định đi siêu thị được nảy ra ngay tại thời điểm nói khi thấy một người khác cũng đi siêu thị.

- **Diễn tả một dự đoán mang tính chủ quan, không có căn cứ.**

Ex. I think she will come to the party.

She hopes that she will get a better job.

- **Diễn tả một lời hứa hay lời yêu cầu, đề nghị.**

Ex. I promise that I will tell you the truth.

Will you please bring me a cup of coffee?

2. Advice (lời khuyên):

Cách dùng “should/shouldn’t” (nên/không nên)

Cách thành lập

(+) S + should + V (bare)

(-) S + shouldn’t + V (bare)

(?) Should + S + V (bare) ...?

Ex: He should go to the dentist.

He shouldn’t go to the dentist.

Should he go to the dentist?

B. KỸ NĂNG NGHE, ĐỌC:

Chủ đề là các chủ đề theo các đơn vị bài học. Dạng bài: Chọn từ cho sẵn để hoàn thành đoạn văn, True- False, Chọn đáp án đúng nhất.

C. BÀI TẬP THỰC HÀNH:

PHONETICS

Find the word which has different sound in the part underlined:

1. A. funny B. lunch C. sun D. computer
 2. A. photo B. going C. brother D. home

- | | | | |
|-----------------------|----------------------|---------------------|---------------------|
| 3. A. <u>school</u> | B. <u>teaching</u> | C. <u>chess</u> | D. <u>chalk</u> |
| 4. A. <u>cold</u> | B. <u>volleyball</u> | C. <u>telephone</u> | D. <u>open</u> |
| 5. A. <u>meat</u> | B. <u>reading</u> | C. <u>bread</u> | D. <u>seat</u> |
| 6. A. <u>writes</u> | B. <u>makes</u> | C. <u>takes</u> | D. <u>drives</u> |
| 7. A. <u>never</u> | B. <u>often</u> | C. <u>when</u> | D. <u>tennis</u> |
| 8. A. <u>Thursday</u> | B. <u>thanks</u> | C. <u>these</u> | D. <u>birthday</u> |
| 9. A. <u>advice</u> | B. <u>price</u> | C. <u>nice</u> | D. <u>police</u> |
| 10. A. <u>coffee</u> | B. <u>see</u> | C. <u>agree</u> | D. <u>free</u> |
| 11. A. <u>city</u> | B. <u>cathedral</u> | C. <u>central</u> | D. <u>cinema</u> |
| 12. A. <u>every</u> | B. <u>prepare</u> | C. <u>relative</u> | D. <u>helping</u> |
| 13. A. <u>chat</u> | B. <u>peach</u> | C. <u>chocolate</u> | D. <u>chemistry</u> |
| 14. A. <u>leave</u> | B. <u>break</u> | C. <u>repeat</u> | D. <u>peaceful</u> |
| 15. A. <u>money</u> | B. <u>close</u> | C. <u>most</u> | D. <u>judo</u> |

VOCABULARY AND GRAMMAR

I. Choose A, B, C, or D for each gap in the following sentences:

- Phong is usually early _____ school because he gets up early.
A. on B. for C. at D. to
- “What would you like to drink now?” – “_____”
A. No, thank you B. Yes, please. C. I like to do nothing D. Orange juice, please.
- We usually play football in winter _____ it’s cold.
A. When B. Where C. so D. time
- Kien often _____ his bike to visit his hometown.
A. drives B. flies C. rides D. goes
- “How are you going to get to Hung King Temple next weekend?” – “_____”
A. By bus B. For two days C. Sometimes D. Very much
- It’s cold. The students _____ warm clothes.
A. wear B. wears C. wearing D. are wearing
- Phuong is very good _____ English and History, but she doesn’t like Maths much.
A. with B. for C. to D. at
- The children look very _____ while playing games during break time.
A. excite B. excited C. exciting D. excitement
- Look! The girls are _____ rope in the playground.
A. dancing B. playing C. skipping D. doing
- “What are you doing this afternoon?”
- “I don’t know, but I’d like to _____ swimming.”
A. have B. do C. play D. go

III. Put the verbs in brackets in the correct tense form

- School(finish) _____ at 4.30 pm every day.
- _____ you often (eat) _____ lunch in the school canteen?
- Listen! _____ they (sing) _____ in the classroom?
- My family like (spend) _____ our summer holidays at the seaside.
- She (have) _____ long black hair.

6. My father (be) _____ very kind.
7. I (go) _____ to the cinema with my sister this evening.
8. What _____ your brother (do) _____ now? He (practice) _____ speaking English.
9. Where (you,(be) _____, Phong? – I’m upstairs. I (study) _____ lessons
10. My father (watch) _____ TV every evening.

READING:

I. Complete the letter using the words in the box.

turning	so	meet	number	until	get
---------	----	------	--------	-------	-----

Dear Ha,
 Let’s (1) _____ on Sunday evening at Quynh Café on Tran Quang Dieu Street. There’s a post office on the corner of the street. The café is next to the post office. There’s a cinema opposite the café (2) _____ we can see a film after we have coffee.

To (3) _____ to the café, take bus (4) _____ 8 to Truong Thi Street. Get off at the bus stop in front of a park. Go along the street (5) _____ you get to the traffic lights and then turn right. Take the first (6) _____ on your right. Go straight ahead – just about 500 metres and it’s on your left.

See you there!

Khang

II. Choose the correct answer A, B, C, or D for each of the gaps to complete the following text.

OAK CITY

Oak City is a great city. There’s so (1) _____ to do! There are cinemas, park and discos. It’s got some great clothes and music shops (2) _____.

Oak City is very modern and beautiful. There aren’t any (3) _____ buildings and there’s some beautiful (4) _____ around the city.

Is there any pollution in the Oak City? There isn’t much pollution (5) _____ there isn’t much traffic.

Everyone travels (6) _____ bike and walks, so there aren’t many accidents.

No one works, so everyone has got a lot of free time. Are there any unfriendly people in Oak City? No – so come and spend a little time here!

- | | | | |
|-----------------|------------|-------------|---------------|
| 1. A. much | B. many | C. some | D. any |
| 2. A. neither | B. either | C. too | D. so |
| 3. A. beautiful | B. ugly | C. pretty | D. unpleasant |
| 4. A. scenery | B. scene | C. view | D. sight |
| 5. A. so | B. because | C. although | D. if |
| 6. A. on | B. in | C. with | D. by |

Phuc is writing his entry to “ Your best friend” competition. Read his entry. Then decide if the statements are True (T) or False (F).

This writing is about my best friend, Mai. We go to the same school and we’ve been together for three years. Mai is very pretty. She has short black hair and big brown eyes. She is clever and hard-working but she is also very funny. She makes jokes and we all laugh. She loves reading and writing short poems. I like being with her. We often do our homework together and she helps me a lot. I also like her because she knows a lot about astronomy and we can chat about it for hours. At the moment we’re making a Space minibook. We’re doing a lot of searching on the Internet. This Saturday we’re going to the National Museum to take some photos for our project. Then we’re watching a new film on the Disney channel together. It’s going to be fun!

1. Phuc and Mai are studying in the same school.
2. Mai has long black hair and big eyes.

3. She is clever, hard-working, and funny
4. She likes writing short stories.
5. Phuc and Mai are making a minibook on geography now.
6. They search for information in library books.
7. They are going to the museum to take photos for their project.
8. After that they will go to the cinema together.

D. WRITING

I. Make sentences using the words and phrases given

1. Computer studies/ Nam's favorite subject. _____
2. Mrs Thao /our teacher/English. _____
3. Where/Mr Tan/live? _____
4. Shall/introduce you /my best friend, An? _____
5. Trung/like/play soccer. _____

II. Complete each sentence so it means the same as the sentence above.

1. I don't have a bookshelf in my room.
→ There-----
2. The note book is on the book.
→ The book -----
3. The car is in front of the bus.
→ The bus -----
4. My favorite room in the house is the bedroom.
→ I like-----
5. Quang is lazier than Ha.
→ Ha-----
6. A city is noisier than a village.
→ A village-----
7. Please tell me something about your neighborhood.
→ Can-----
8. In summer, Da Nang is hot but Vinh is hotter.
→ In summer, Vinh-----
9. It is wrong of us to throw rubbish.
→ We mustn't -----
10. Ha Noi is large, Bangkok is larger and Tokyo is the largest.
→ Tokyo is -----the three cities.
11. It is not good to stay up so late to listen to music.
→ You should-----
12. How many times a week do you go to your painting club.
→ How often -----
13. It is essential that you do your homework before going to school.
→ You must -----
14. Nobody is older than my grandfather in my family.
→ My grandfather is -----
15. Kiet is the best at English in his class.
→ Nobody in Kiet's class-----

III. Write sentences, using the comparative or superlative forms of the adjectives

1. Mai/intelligent/Kien

2. My brother/strong/my sister.

3. Life in the city /exciting/ life in the countryside.

4. Doing our homework/important/ reading a novel.

5. Ho Chi Minh City/big/Ha Noi capital.

6. Mount Everest/the/high/the world.

7. Ba Be Lake/the/large/in Viet Nam.

8. Mekong River/the/long/ in Viet Nam.

9. Uluru / the/ beautiful/mountain/ Australia

10. Lan/the/good/English/my class.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN MĨ THUẬT 6

- Trang trí hình vuông
- Trang trí hình chữ nhật
- Trang trí đường điem

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ I

A. LÝ THUYẾT

Chương 2: Cấu tạo bên trong của Trái Đất

Câu 1.

Cấu tạo bên trong của Trái Đất gồm có mấy lớp? Trình bày đặc điểm các lớp?

Câu 2.

Đặc điểm và vai trò của lớp vỏ với đời sống và hoạt động của con người? Trình bày xu hướng di chuyển của các mảng địa.

Chương 3: Các thành phần tự nhiên của Trái Đất

Câu 3.

So sánh đặc điểm giữa núi già và núi trẻ?

Câu 4.

Em hiểu gì về hiện tượng động đất? Liên hệ bản thân nếu ở nơi em ở có hiện tượng động đất xảy ra em sẽ làm thế nào?

Câu 5.

Thế nào là nội lực, ngoại lực? Tại sao nói nội lực và ngoại lực là 2 lực đối nghịch nhau?

Câu 6.

So sánh đặc điểm giống nhau và khác nhau giữa địa hình bình nguyên và cao nguyên ? Kể tên 1 số bình nguyên và cao nguyên ở Việt Nam mà em biết?

Câu 7.

Địa hình Các-xtơ là dạng địa hình có những đặc điểm gì? Cho ví dụ?

B.BÀI TẬP

- Tính giá trị tuyệt đối và tương đối của dãy núi bất kỳ.

Gợi ý trả lời

Câu 1.

Cấu tạo bên trong Trái Đất gồm 3 lớp: lớp vỏ, lớp trung gian, lớp lõi

Lớp	Độ dày	Trạng Thái	Nhiệt độ
Vỏ Trái Đất	Từ 5 km đến 70km	Rắn chắc	Càng xuống sâu nhiệt độ càng cao, nhưng tối đa chỉ tới 1000 ⁰ C
Lớp Trung gian	Gần 3000 km	Từ quánh dẻo đến lỏng	Khoảng 1500 ⁰ C đến 4700 ⁰ C
Lõi	Trên 3000 km	Lỏng ở ngoài, rắn ở trong	Cao nhất khoảng 5000 ⁰ C

Câu 2.

Đặc điểm và vai trò của lớp vỏ:

- Vỏ Trái Đất là lớp đá ngoài cùng rắn chắc, chiếm 15% thể tích và 1% khối lượng của Trái Đất

- Vai trò:

+ Là nơi tồn tại của các thành phần tự nhiên

+ Nơi sinh sống, phát triển của xã hội loài người

- Các địa mảng có thể dịch chuyển tách xa nhau, xô chồm vào nhau... tạo núi, vực biển, động đất, núi lửa...

Câu 3

- Giống nhau giữa núi già và núi trẻ: đều là núi

- Khác nhau:

+ Núi già: Đỉnh tròn, sườn thoải, thung lũng rộng

+ Núi trẻ: Đỉnh nhọn. sườn dốc, thung lũng sâu.

Câu 4

- Động đất: là hiện tượng các lớp đất đá rung chuyển gần mặt đất bị rung chuyển gây thiệt hại lớn về người và của.

- Khi có hiện tượng động đất xảy ra:

+ Phát hiện dấu hiệu núi lửa hoặc động đất

+ Nhanh chóng thoát khỏi khu vực nhà cao tầng, tìm chỗ an toàn.

+ Mang theo lương thực, khăn ướt tránh ngộ độc khói bụi ...

Câu 5

- Nội lực là lực sinh ra bên trong Trái Đất làm thay đổi vị trí lớp đá của vỏ Trái Đất dẫn tới hình thành núi cao, đứg gẫy, hạ thấp địa hình

- Ngoại lực là lực sinh ra bên ngoài mặt đất, chủ yếu là quá trình phong hoá và xâm thực, làm bào mòn và bồi tụ địa hình.

Câu 6

- Giống nhau: đều có bề mặt tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng

	Núi	Bình nguyên (đồng bằng)	Cao nguyên	Đồi
--	-----	----------------------------	------------	-----

Những dấu hiệu nhận biết	- Độ cao tuyệt đối > 500m - Là dạng địa hình nhô cao rõ rệt trên bề mặt đất. Phân loại theo độ cao và theo tuổi	- Độ cao tuyệt đối <200m (gần 500m) - địa hình thấp, bề mặt tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng	- Độ cao tuyệt đối > 500m - Bề mặt tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng nhưng có sườn dốc	- Độ cao tương đối <200m - Là dạng địa hình nhô cao, thường tập trung thành vùng
Phân loại(hoặc đặc tính nổi bật)	- Theo độ cao: núi thấp, núi TB, núi cao - Theo tuổi: núi già, núi trẻ	<ul style="list-style-type: none"> do băng hà bào mòn do bồi tụ phù sa sông, biển 	Cao nguyên có sườn dốc, nhiều khi dựng đứng thành vách so với vùng xung quanh	Đồi ít khi đứng lẻ loi mà thường tập trung thành từng vùng.
Giá trị kinh tế	Trồng rừng, cây công nghiệp, nhiều khoáng sản, pt du lịch...	Trồng cây lương thực, thực phẩm, chăn nuôi Dân cư đông đúc	Trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc.	Trồng cây công nghiệp, trồng rừng

Câu 7:

*Đặc điểm địa hình các xto:

- Là địa hình của vùng núi đá vôi, đỉnh lờm chờm sắc nhọn, có nhiều hang động trong các khối núi...
- Ví dụ dạng địa hình ở VN: Khu vực Vịnh Hạ Long, Tam Cốc- Bích Động, Cát Bà...

B. BÀI TẬP:

- + HS xác định được độ cao tuyệt đối và tương đối của núi
- + Dựa vào độ cao, xác định núi đó thuộc loại già, trung bình hay trẻ.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GDCD 6 – HKI

I. TRẮC NGHIỆM: hs ôn tập để nhận biết được các biểu hiện của:

- Sống chan hòa với mọi người/ không sống chan hòa với mọi người.
- Lịch sự tế nhị/ không lịch sự tế nhị.
- Tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể và hoạt động xã hội/ không tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể và hoạt động xã hội.

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Em hiểu thế nào là sống chan hòa với mọi người? Ý nghĩa của sống chan hòa với mọi người?

Câu 2: Theo em, mục đích học tập đúng nhất của người học sinh là gì? Việc xác định đúng mục đích học tập có ý nghĩa như thế nào?

Câu 3: Vào năm học đã được 3 tháng nhưng Hải không muốn tham gia bất cứ hoạt động nào của lớp ngoài việc học tập hàng ngày. Mỗi khi được phân công thì Hải luôn lấy lí do bận học để từ chối nhiệm vụ.

a/ Em nhận xét gì về thái độ của Hải đối với việc chung của tập thể lớp?

b/ Nếu là bạn cùng lớp với Hải, em sẽ khuyên bạn như thế nào?

Câu 4: Hà là học sinh lớp 6A, bạn luôn vui vẻ, cởi mở và sẵn sàng giúp đỡ mọi người. Nhiều bạn quý mến Hà nhưng Lan lại đặt biệt hiệu cho Hà là “hâm”. Có bạn thắc mắc thì Lan nói: “toàn mất thời gian của bản thân để làm những việc không mang lại lợi ích gì như thế không phải là hâm thì là gì chứ”.

a/ Em nhận xét gì về cách đánh giá và hành vi của Lan đối với Hà?

b/ Nếu là bạn cùng lớp 6A em sẽ nói gì với Lan trong tình huống này?

GỢI Ý ĐỀ CƯƠNG (phần tự luận)

Câu	Nội dung cần đạt khi làm bài
Câu 1	<ul style="list-style-type: none"> - Sống chan hòa với mọi người là sống vui vẻ, hòa hợp với mọi người và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động chung có ích. - Sống chan hòa với mọi người sẽ được mọi người quý mến, giúp đỡ; góp phần vào việc xây dựng mối quan hệ xã hội tốt đẹp.
Câu 2	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích học tập đúng của học sinh là: trở thành con ngoan, trò giỏi, cháu ngoan Bác Hồ, người công dân tốt; trở thành con người chân chính, có đủ khả năng lao động để tự lập nghiệp và góp phần xây dựng quê hương, đất nước, bảo vệ Tổ quốc. - Xác định đúng mục đích học tập thì chúng ta mới có thể học tập tốt.
Câu 3	<p>a/ Nhận xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hành vi của Hải là không hòa đồng, ích kỉ. - Bản phận của mỗi học sinh là phải tích cực tham gia các hoạt động tập thể và hoạt động xã hội, vì lợi ích chung, trong đó có lợi ích của bản thân. - Nếu ai cũng như Hải thì mọi hoạt động của lớp sẽ bị ngáng trở, không thực hiện được. <p>b/ Nếu là bạn cùng lớp của Hải, em sẽ khuyên bạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích để Hải hiểu lợi ích của việc tham gia các hoạt động để mở mang hiểu biết, xây dựng được quan hệ, rèn luyện khả năng giao tiếp ứng xử, hợp tác, tổ chức. - Cùng các bạn trong lớp vận động và tạo cơ hội để Hải tham gia các hoạt động của lớp
Câu 4	<p>a/ Nhận xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bạn Lan đã đánh giá sai về bạn Hà, em không tán thành cách suy nghĩ và hành vi của bạn Lan. - Hà luôn sẵn lòng giúp đỡ người khác là điều rất đáng quý, là lối sống tích cực, chan hòa với mọi người, đem lại mối quan hệ lành mạnh, thân thiện trong tập thể, đó là điều có ích cho mọi người. - Hơn nữa, cách sống này sẽ giúp Hà được mọi người trân trọng, yêu quý và sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ khi bạn gặp khó khăn. <p>b/ Nếu là bạn cùng lớp với Lan em sẽ khuyên bạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu mọi người đều sống tích cực và có ý nghĩa như bạn Hà thì tập thể lớp mình sẽ rất đoàn kết, thân ái, điều đó giúp chúng ta vượt qua được mọi khó khăn, thử thách. - Hãy nghĩ xem nếu Hà chẳng may gặp khó khăn thì mọi người chắc chắn sẽ sẵn sàng giúp đỡ bạn ấy. Hơn nữa, thực tế là Hà được rất nhiều bạn quý mến, coi trọng. Chúng mình nên học tập cách sống của Hà.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN ÂM NHẠC LỚP 6

1. Ôn tập bài hát:

+ Tiếng chuông và ngọn cờ - Sáng tác: Phạm Tuyên

+ Vui bước trên đường xa - Theo điệu “*Lí con sáo gò công*” Dân ca Nam Bộ

+ Hành khúc tới trường - Nhạc Pháp, lời Việt: Phan Trần Bảng, Lê Minh Châu

+ Đi cây - Dân ca Thanh Hóa

- Nội dung ôn tập: Học sinh học thuộc và hát đúng nhạc, đúng giai điệu, cao độ, trường độ, diễn cảm, đúng nhịp phách kết hợp với gõ đệm 4 bài hát

+ Tiếng chuông và ngọn cờ

+ Vui bước trên đường xa

+ Hành khúc tới trường

+ Đi cây

2. Ôn tập Tập đọc nhạc:

- Tập đọc nhạc số 1, 2, 3, 4, 5

- Nội dung ôn tập: Học sinh học thuộc và hát đúng nhạc, đúng giai điệu, cao độ, trường độ, đúng nhịp phách và thuộc lời ca các bài TĐN số 2, 3, 4, 5 kết hợp với gõ đệm .

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP LỊCH SỬ 6 – HKI

I. TRẮC NGHIỆM: Hs ôn tập để nhận biết được các nội dung:

- Những nét chính về chuyên biến trong đời sống kinh tế của nhà nước Văn Lang Âu Lạc thời dựng nước

- Những nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang qua nơi ở, ăn mặc, phong tục, lễ hội, tín ngưỡng

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Nhà nước Âu Lạc thành lập trong hoàn cảnh nào?

Câu 2: Đặc điểm bộ máy nhà nước thời An Dương Vương có gì nổi bật?

Câu 3: Giải thích vì sao An Dương Vương thất bại trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Triệu Đà?

GỢI Ý ĐỀ CƯƠNG (phần tự luận)

Câu	Đáp án	Điểm
1	- Vua Hùng thứ 18 không quan tâm đến chính sự, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.	1,0 đ
	- Quân Tần xâm lược nước ta, nhân dân không chịu đầu hàng phong Thục Phán lên làm tướng, ngày ở yên, đêm đến đem quân ra đánh quân Tần.	1,0 đ
	- Kháng chiến chống quân xâm lược Tần kết thúc thắng lợi, Thục Phán lên ngôi vua, hợp nhất 2 vùng đất cũ của người Tây Âu và Lạc Việt thành một nước mới có tên Âu Lạc.	1,0 đ
2	- Đứng đầu là An Dương Vương, nắm giữ mọi quyền hành, có quyền thế trong việc trị nước	1,0 đ
	- Giúp việc cho Vua có các Lạc hầu, Lạc tướng	1,0 đ
	- Cả nước chia thành nhiều bộ, do Lạc tướng đứng đầu - Các làng, chạ vẫn do Bồ chính cai quản	1,0 đ
3	- Do chủ quan, quá tự tin vào lực lượng của mình, không đề cao tinh thần cảnh giác với kẻ thù.	1,0 đ
	- Nội bộ không đoàn kết, thống nhất cùng nhau chống giặc.	1,0 đ
	- Yêu con mù quáng, quá tin vào nỏ thần, tự mãn với chiến thắng.	1,0 đ

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN : NGỮ VĂN 6, NĂM HỌC 2019-2020**

A. PHẦN VĂN BẢN

I. TRUYỆN DÂN GIAN:

1. Một số khái niệm của thể loại truyện dân gian

Thể loại	Khái niệm
Truyện truyền thuyết	

Truyện cổ tích	
Truyện ngụ ngôn	
Truyện cười	

2.Lập bảng tổng kết các truyện dân gian đã học

Thể loại	Tên truyện	Nghệ thuật	Ý nghĩa, bài học

3.Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa truyền thuyết với cổ tích, giữa truyện ngụ ngôn với truyện cười

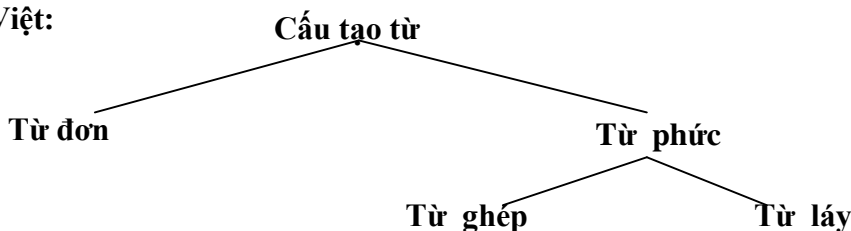
B.PHÂN TIẾNG VIỆT:

I. Từ và cấu tạo từ tiếng Việt:

1.Từ là gì?

- Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất dùng để đặt câu.
- Từ đơn là từ chỉ có một tiếng, VD: Bàn, ghế, tủ, sách...
- Từ phức là từ có 2 tiếng trở lên, từ phức gồm có:
 - + Từ ghép: Ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa, VD: Bàn ghế, bánh chưng, ăn ở, mệt mỏi...
 - + Từ láy: Có quan hệ láy âm giữa các tiếng với nhau, VD: ầm ầm, sạch sành sanh, tròng trọt,...

2. Sơ đồ cấu tạo từ Tiếng Việt:



II. Từ mượn:

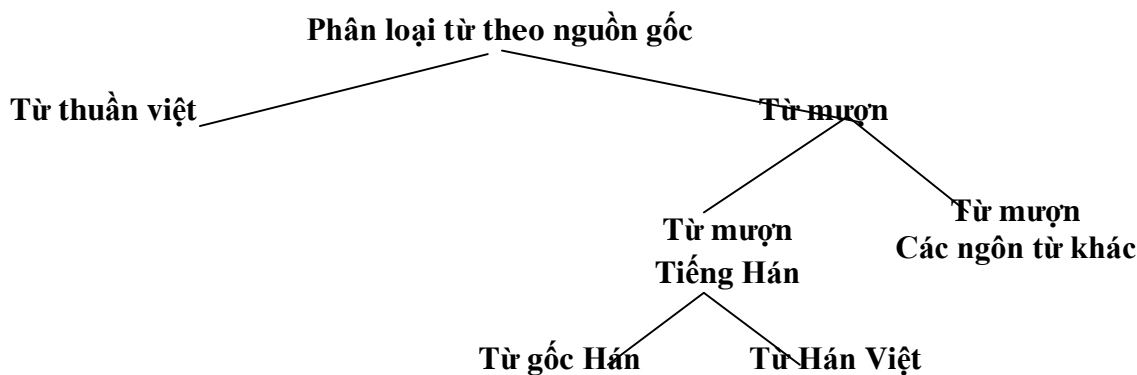
1. **Từ thuần việt:** là những từ do nhân dân ta tự sáng tạo ra.
2. **Từ mượn:** (vay mượn hay từ ngoại lai) Là những từ của ngôn ngữ nước ngoài được nhập vào ngôn ngữ của ta để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm,... mà tiếng ta chưa có từ thật thích hợp để biểu thị.
 - Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng việt là từ mượn tiếng Hán (gồm từ gốc Hán và từ Hán việt).
 - Ngoài ra còn mượn từ của một số ngôn ngữ khác Anh, Pháp,...

3.Cách viết các từ mượn:

- +Đối với từ mượn đã được Việt hoá hoàn toàn thì viết như tiếng Việt:
- +Đối với từ mượn chưa được Việt hoá thì dùng gạch nối để nối các tiếng với nhau.(Sin-ga-po, Ma-lai-xi-a...)

3.Nguyên tắc mượn từ: Tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Giữ gìn bản sắc dân tộc.Không mượn từ một cách tùy tiện.

Mô hình:



III. Nghĩa của từ:

1. **Nghĩa của từ** :là nội dung mà từ biểu thị.
2. **Các giải thích nghĩa của từ:** 2 cách.

- Trình bày khái niệm mà từ biểu thị, VD: Tập quán: là thói quen của.....
- Đưa ra những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích.

Ví dụ: Lầm liệt: Hùng dũng, oai nghiêm; Nao núng: Lung lay, không vững lòng tin ở mình nữa.

IV. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ:

1. Từ có thể có một nghĩa hay nhiều nghĩa. (ví dụ: Toán học, Văn học, Vật lí học...từ có một nghĩa); chân, mắt, mũi...từ có nhiều nghĩa)

2. Từ nhiều nghĩa là kết quả của hiện tượng chuyển nghĩa.

- Nghĩa gốc: Là nghĩa xuất hiện từ đầu, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác.
- Nghĩa chuyển là nghĩa được hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc.

Ví dụ: Mũi (*mũi kim, mũi dao, mũi bút...*), chân (*chân trời, chân mây, chân tường, chân đê,...*), mắt (*mắt nửa, mắt tre, mắt na...*), đầu (*đầu giường, đầu đường, đầu sông,...*)

V. Lỗi dùng từ:

1- Các lỗi dùng từ:

+ Lỗi lặp từ.

Ví dụ:

(1) Truyện dân gian thường có nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo nên em rất thích đọc truyện dân gian.

(2) Ban Lan là một lớp trưởng gương mẫu nên cả lớp ai cũng đều rất lấy làm quý mến ban Lan. (từ gạch chân là từ lặp nên loại bỏ để viết lại cho đúng)

=> Lan là một lớp trưởng gương mẫu nên cả lớp đều quý mến.

+ Lỗi lẫn lộn các từ gần âm.

Ví dụ:

(1) Ngày mai, chúng em sẽ đi thăm quan Viện bảo tàng của tỉnh.

(2) Ông họa sĩ già nhấp nháy bộ ria mép quen thuộc.

(3) Tiếng Việt có khả năng tả linh động mọi trạng thái tinh cảm của con người.

(4) Có một số bạn còn bàng quang với lớp.

(5) Vùng này còn khá nhiều thủ tục như: ma chay, cưới xin đều cỗ bàn linh đình; ốm đau không đi bệnh mà ở nhà cúng bái,...

Những từ gạch chân là từ lặp, nên thay bằng các từ sau: (1)tham quan, (2)mấp máy, (3)sinh động, (4)bàng quan, (5) hủ tục.

+ Lỗi dùng từ không đúng nghĩa.

Ví dụ:

(1) Mặc dù còn một số yếu điểm, nhưng so với năm học cũ, lớp 6B đã tiến bộ vượt bậc.

(2) Trong cuộc họp lớp, Lan đã được các bạn nhất trí đề bạt làm lớp trưởng.

(3) Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã tận mắt chứng thực cảnh nhà tan cửa nát của những người nông dân.

(4) Làm sai thì cần thực thà nhận lỗi, không nên bao biện.

(5) Chúng ta có nhiệm vụ giữ gìn những cái tinh tú của văn hoá dân tộc.

Sử lại bằng những từ sau : (1) điểm yếu hoặc nhược điểm, (2) bầu hoặc chọn, (3) chứng kiến, (4) thành khẩn và nguy biện, (5) tinh túy

VI. Từ loại và cụm từ.

1. Danh từ:

a. Thế nào là **Danh từ**? : Là những từ chỉ người, vật, hiện tượng, khái niệm...

b. Đặc điểm ngữ pháp của danh từ:

-**Khả năng kết hợp**: Danh từ có thể kết hợp với từ chỉ số lượng ở phía trước, các từ *này, nọ, ấy, kia,...* và một số từ khác ở sau để tạo thành cụm danh từ.

-Chức vụ ngữ pháp của danh từ:

+Diễn hình là làm **chủ ngữ**: Công nhân này// đang làm việc.

+Khi làm vị ngữ phải có từ **là** đi kèm :Tôi// **là** người Việt Nam.

c. Các loại danh từ:

Danh từ chung : là tên gọi một loại sự vật

Danh từ riêng:tên riêng của từng người, từng vật, từng địa phương

-**Cách viết hoa danh từ riêng**. (Quy tắc viết hoa) ghi nhớ sgk T-109

2. Cụm danh từ:

a. Khái niệm: Là tổ hợp từ do danh từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.

b. Đặc điểm của cụm danh từ: nghĩa của cụm danh từ đầy đủ hơn một danh từ (công nhân/chú công nhân kia)

c. Chức vụ ngữ pháp của cụm danh từ: giống như danh từ

*** Mô hình cụm danh từ đầy đủ:**

Phần trước		Phần trung tâm		Phần sau	
t ₁ (Toàn thể)	t ₂ (Số lượng)	T ₁ (DT đơn vị)	T ₂ (DT sự vật)	S ₁ (đặc điểm)	S ₂ (Vị trí)
Tất cả	những	em	học sinh	yêu quý	kia

3. Số từ và lượng từ:

*** Số từ:** Là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật.

- Khi biểu thị số lượng sự vật, số từ thường đứng trước danh từ (ví dụ: hai con gà, ba học sinh...).

- Khi biểu thị số thứ tự, số từ đứng sau danh từ (ví dụ: Canh bốn canh năm vừa chộp mắt; Tôi // là con thứ nhất.)

Lưu ý: phân biệt số từ với danh từ đơn vị (số từ không trực tiếp kết hợp với chỉ từ, trong khi đó danh từ đơn vị có thể trực tiếp kết hợp được với số từ ở phía trước và chỉ từ ở phía sau)

Ví dụ: không thể nói: một đôi con trâu, mà có thể nói là: một đôi gà kia.

*** Lượng từ:** Là những từ chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật.

Lượng từ được chia thành hai nhóm:

+ Lượng từ chỉ ý nghĩa toàn thể: tất cả, tất cả, cả,...

+ Lượng từ chỉ ý nghĩa tập hợp hay phân phối: những, mỗi, mọi, từng, các,...

*** Phân biệt số từ và lượng từ:**

- Số từ chỉ số lượng cụ thể và số thứ tự (một, hai, ba, bốn, nhất, nhì...)

- Lượng từ chỉ lượng ít hay nhiều (không cụ thể: Những, mấy, tất cả, dăm, vài...)

4. Chỉ từ:

*** Chỉ từ** là những từ dùng để trỏ vào sự vật, nhằm xác định vị trí (định vị) của sự vật trong không gian hoặc thời gian.

*** Hoạt động của chỉ từ trong câu:**

+ Làm phụ ngữ S₂ ở sau trung tâm cụm danh từ (theo dõi chỉ từ “kia” ở mô hình cụm danh từ trên)

+ Làm chủ ngữ hoặc trạng ngữ trong câu.

Ví dụ: Chỉ từ (**đó**) làm chủ ngữ và định vị sự vật trong không gian

(Đó // là quê hương của tôi.)

C V

Ví dụ: Chỉ từ (**ấy**) làm trạng ngữ và định vị sự vật trong thời gian

(Năm ấy, tôi// vừa tròn ba tuổi.)

TN C V

5. Động từ:

- Động từ là những từ chỉ hành động, trạng thái của sự vật.

- Động từ thường kết hợp với các từ *đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, hãy, đừng, chớ...* để tạo thành cụm động từ.

- Chức vụ ngữ pháp của động từ:

+ Chức vụ điển hình là làm **vị ngữ**.

+ Khi làm chủ ngữ, động từ thường mất hết khả năng kết hợp với các từ *đã, sẽ, đang, hãy...*

- Động từ chia làm hai loại:

+ Động từ tình thái (thường đòi hỏi có động từ khác đi kèm)

+ Động từ chỉ hành động, trạng thái : động từ chỉ hành động (đi, đứng, nằm, hát...) và động từ trạng thái (yêu, ghét, hờn, giận..., vỡ, gãy, nát...)

C. PHẦN TẬP LÀM VĂN: Ôn tập các kiểu bài đã học, Xem lại các đề bài có trong sách giáo khoa

a. Kể chuyện có sẵn

b. Kể chuyện đời thường

c. Kể chuyện tưởng tượng

***Một số đề ôn tập:**

Đề 1: Kể lại truyện “*Thánh Gióng*” bằng lời kể của người dân làng Phù Đổng.

Đề 2: Sau khi đánh tan giặc Ân, Thánh Gióng bay lên trời và kể lại chuyện của mình cho Ngọc Hoàng cùng các vị tiên nghe. Em hãy tưởng tượng mình là Thánh Gióng để kể lại truyện thuyết “*Thánh Gióng*” trong hoàn cảnh trên.

Đề 3: Em hãy kể lại truyện “*Sơn Tinh, Thủy Tinh*” bằng lời kể của Vua Hùng.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1 VẬT LÝ 6 NĂM 2019-2020**A. ÔN TẬP**

I. Học thuộc ghi nhớ từ bài 1 đến bài 14. Mặt phẳng nghiêng

II. Làm lại các bài tập trong SBT

B. BÀI TẬP**I. TRẮC NGHIỆM**

Chọn các phương án trả lời đúng cho các câu sau

Câu 1: Người ta dùng một bình chia độ ghi tới cm^3 chứa 55 cm^3 nước để đo thể tích của một hòn đá. Khi thả hòn đá vào bình, mực nước trong bình dâng lên tới vạch 100 cm^3 . Thể tích hòn đá là bao nhiêu?

- A. 55 cm^3 B. 100 cm^3 C. 45 cm^3 D. 155 cm^3

Câu 2: Lực có thể gây ra những tác dụng nào dưới đây?

- A. Chỉ có thể làm cho vật đang đứng yên phải chuyển động.
 B. Chỉ có thể làm cho vật đang chuyển động phải dừng lại.
 C. Chỉ có thể làm cho vật biến dạng.
 D. Có thể gây ra tất cả các tác dụng nêu trên.

Câu 3: Có thể dùng bình chia độ và bình tràn để đo thể tích của vật nào dưới đây?

- A. 1 bát gạo. B. 1 hòn đá sỏi.
 C. 5 viên phấn D. 1 cái kim.

Câu 4: Trong các số liệu sau đây, số liệu nào chỉ khối lượng của hàng hóa?

- A. Trên nhãn của chai nước khoáng có ghi: 330ml.
 B. Trên vỏ của hộp Vitamin B1 có ghi: 1000 viên.
 C. Ở một số cửa hàng vàng bạc có ghi: 99,99.
 D. Trên vỏ gói xà phòng bột có ghi: Khối lượng tịnh 1kg.

Câu 5: Gió thổi mạnh không gây ra sự biến đổi nào trong các biến đổi dưới đây?

- A. Lúa trên đồng đổ rạp về một phía.
 B. Cây lớn nhanh hơn.
 C. Xe đạp trên đường đi chậm lại.
 D. Xe đạp trên đường đi nhanh hơn.

Câu 6: Khi thả một hòn đá vào bình chia độ (GHĐ 100 cm^3 , ĐCNN 1 cm^3) có chứa 50 cm^3 nước, người ta thấy rằng mực nước trong bình dâng lên ngang vạch 95 cm^3 . Thể tích hòn đá là?

- A. 95 cm^3 . B. 50 cm^3 .
 C. 45 cm^3 . D. 145 cm^3 .

Câu 7: Hai lực cân bằng có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Cùng phương, cùng chiều, mạnh như nhau.
- B. Cùng phương, cùng chiều, mạnh khác nhau.
- C. Cùng phương, ngược chiều, mạnh như nhau.
- D. Khác phương, khác chiều, mạnh như nhau.

Câu 8: Máy cơ đơn giản nào không làm thay đổi hướng của lực kéo?

- A. Mặt phẳng nghiêng. B. Ròng rọc động.
- C. Ròng rọc cố định. D. Đòn bẩy.

Câu 9: Đơn vị của trọng lượng riêng là gì?

- A. N/m^3 B. N
- C. Kg/m^3 D. N/m^2

Câu 10 : Công thức liên hệ giữa trọng lượng và khối lượng là:

- A. $P = 10.m$ B. $D = m/V$ C. $d = P/V$ D. $d = 10.D$.

Câu 11: Một bạn học sinh nặng 17kg. Trọng lượng bạn học sinh đó là:

- A. 17 N B. 170 N C. 1700 N D. 17000N

Câu 12: Trong 4 cách sau:

1. Giảm chiều cao kê mặt phẳng nghiêng.
2. Tăng chiều cao kê mặt phẳng nghiêng.
3. Giảm độ dài của mặt phẳng nghiêng.
4. Tăng độ dài của mặt phẳng nghiêng.

Cách nào làm giảm lực kéo khi đưa vật lên cao bằng mặt phẳng nghiêng?

- A. Cách 2 và 4.
- B. Cách 1 và 3.
- C. Cách 2 và 3.
- D. Cách 1 và 4.

Câu 13: Các dụng cụ sau đây khi sử dụng là ứng dụng của máy cơ đơn giản nào?

STT	Dụng cụ	Máy cơ đơn giản tương ứng
1	Tấm ván kê để dặt xe lên thềm nhà	
2	Kéo cắt giấy	
3	Dụng cụ khui nắp chai nước ngọt	
4	Cầu trượt	

Câu 14. Lực nào trong các lực dưới đây là lực đàn hồi?

- A. Lực mà cần cẩu đã tác dụng vào thùng hàng để đưa thùng hàng lên cao.
- B. Lực mà gió tác dụng vào thuyền buồm.
- C. Lực mà nam châm tác dụng lên vật bằng sắt.

D. Lực của cung tên làm mũi tên bay vào không trung.

Câu 15. Trọng lượng của một vật là

- A. lực đẩy của vật tác dụng lên Trái đất.
- B. lực hút của Trái đất tác dụng lên vật.
- C. lực hút giữa vật này tác dụng lên vật kia.
- D. lực đẩy của Trái đất tác dụng lên vật..

II. Tự luận

Câu 1: Một vật đặc có khối lượng 8000g và thể tích 2dm³. Tính trọng lượng riêng và khối lượng riêng của vật đó ?

Câu 2: Tại sao người B đứng trên mặt đất ở nửa mặt cầu bên kia trái đất số với người A lại không bị rơi ra khỏi trái đất?



Câu 3 : Treo vật cố định trên một lò xo như hình vẽ

- a. Vật chịu tác dụng của những lực nào?
- b. Tại sao vật đứng yên?

Câu 4: Nước rò rỉ qua đường ống nước của một hộ gia đình trong một giây; 20 giọt có thể tích 1cm³. Tính đường ống trong một tháng.

gia đình trung bình một thể tích nước rò rỉ qua

Câu 5: Viết công thức tính trọng lượng riêng của một vật. Nêu đơn vị và giải thích các đại lượng có tên trong công thức.

đơn vị và giải thích các đại

b) Nói khối lượng riêng của đá là 2600 kg/m³ con số đó có ý nghĩa như thế nào ?

c) Một vật đặc có khối lượng 8000g và thể tích 2dm³. Tính trọng lượng riêng và khối lượng riêng của vật đó ?

Câu 6: Lần lượt treo vào cùng một lò xo các vật có khối lượng sau:

$m_1 = 1 \text{ kg}; m_2 = 1,8 \text{ kg}; m_3 = 0,2 \text{ kg}; m_4 = 1,5 \text{ kg}$

Hãy cho biết trường hợp nào độ biến dạng của lò xo là lớn nhất, nhỏ nhất?

Câu 7: a) Hãy kể tên các loại máy cơ đơn giản mà em biết? Cho biết công dụng của các loại máy cơ đơn giản đó.

b) Tại sao đi lên dốc càng thoải thoải càng dễ hơn?

Câu 8: a) Lực kế dùng để làm gì? Viết hệ thức liên hệ giữa trọng lượng và khối lượng, nêu tên và đơn vị các đại lượng trong hệ thức.

b) Một vật có khối lượng 50kg. Sẽ có trọng lượng bằng bao nhiêu Niuton?

Câu 9: a) Nêu hai ví dụ về sử dụng mặt phẳng nghiêng

b) Sử dụng mặt phẳng nghiêng có chiều dài l để kéo một vật nặng lên cao cần 1 lực tối thiểu là 80N. Nếu sử dụng mặt phẳng nghiêng có chiều dài giảm đi 2 lần thì lực kéo tối thiểu là bao nhiêu để đưa vật lên ?

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CÔNG NGHỆ 6 KÌ 1

Năm học 2019 – 2020

Phần trắc nghiệm

Câu 1: Chọn màu vải để may quần hợp với tất cả các màu của áo:

- A. Màu đen, màu tím.
- B. Màu trắng, màu vàng.
- C. Màu đỏ, màu xanh.
- D. Màu đen, màu trắng

Câu 2: Cần chọn vải có màu sắc hoa văn để may áo cho người gầy mặc tạo cảm giác béo ra:

- A. Màu sáng, hoa to, kẻ sọc dọc.
- B. Màu sẫm, hoa nhỏ, kẻ sọc ngang.
- C. Màu sáng, hoa to, kẻ sọc ngang.
- D. Màu sẫm, hoa to, kẻ sọc ngang

Câu 3: Cần chọn vải có màu sắc hoa văn để may áo cho người béo, lùn mặc tạo cảm giác gầy đi, cao lên:

- A. Màu tối, sọc dọc, hoa to.
- B. Màu sáng, sọc ngang, hoa to.
- C. Màu sáng, sọc dọc, hoa nhỏ.
- D. Màu tối, sọc ngang, hoa nhỏ.

Câu 4: Cắm hoa trang trí tủ, kệ sách nên chọn:

- A. Dạng thẳng, bình cao, ít hoa.
- B. Dạng tỏa tròn, bình thấp, nhiều hoa.
- C. Dạng tỏa tròn, bình cao, nhiều hoa
- D. Dạng nghiêng, bình cao, nhiều hoa.

Câu 5: Bình hoa cắm dạng tỏa tròn đặt ở đâu là phù hợp?

- A. Trên bàn học tập.
- B. Trên tủ
- C. Trên kệ
- D. Trên bàn tiếp khách

Câu 6: Làm thế nào để phân biệt được vải sợi thiên nhiên và vải sợi hóa học?

- A. Giặt vải và là vải cho phẳng.
- B. Vò vải và đốt sợi vải.
- C. Ngâm vải vào nước nóng.
- D. Ngâm và giặt vải.

Câu 7: Nếu căn phòng hẹp, ta có thể chọn tranh ảnh có nội dung:

- A. Gia đình.
- B. Phong cảnh hay bãi biển.
- C. Con vật.
- D. Diễn viên điện ảnh.

Câu 8: Sắp xếp đồ đạc trong phòng cần chú ý:

- A. Chừa lối đi để dễ dàng đi lại.
- B. Để xa nơi thờ cúng.
- C. Đặt gần kho chứa.
- D. Nơi đặt dòn lại một góc nhà.

Câu 9: Chỗ sinh hoạt chung trong nơi ở của gia đình thường:

- A. Được bố trí gần bếp hoặc kết hợp ở trong bếp.
- B. Bố trí ở nơi riêng biệt, yên tĩnh.
- C. Bố trí nơi kín đáo, chắc chắn, an toàn.
- D. Bố trí nơi rộng rãi, thoáng mát, đẹp.

Câu 10: Loại vải nên chọn để may áo quần đi lao động:

- A. Vải sợi tổng hợp, màu sẫm, kiểu may cầu kì.
- B. Vải sợi bông, màu sáng, kiểu may sát người.
- C. Vải sợi tổng hợp, màu sáng, kiểu may cầu kì.
- D. Vải sợi bông; màu sẫm; kiểu may đơn giản, rộng.

Câu 11: Nên chọn vải may áo quần phù hợp với lứa tuổi mẫu giáo:

- A. Vải sợi bông, màu sẫm, hoa nhỏ.
- B. Vải dệt kim, màu sáng, hoa văn sinh động.
- C. Vải dệt kim, màu sẫm, hoa to.
- D. Vải sợi bông, màu sáng, hoa văn sinh động.

Câu 12: Vải sợi pha được sử dụng phổ biến vì:

- A. Độ hút ẩm cao, dễ nhàu.
- B. Bền, đẹp, ít nhàu, mặc thoáng.
- C. Giặt mau khô, không nhàu.
- D. Đẹp, ít thấm mồ hôi.

Câu 13: Vải bền, đẹp, giặt mau khô và không bị nhàu là tính chất của:

- A. Vải sợi thiên nhiên.
- B. Vải sợi nhân tạo.
- C. Vải sợi tổng hợp
- D. Vải sợi thiên nhiên và vải sợi nhân tạo.

Câu 14: Các thao tác phân biệt một số loại vải là:

- A. Vò vải.
- B. Vò vải, đốt sợi vải.
- C. Đốt sợi vải.
- D. Vò vải, đốt sợi vải, đọc thành phần sợi vải.

Câu 15: Tường và đồ đạc có màu nhạt sẽ thích hợp với tranh ảnh:

- A. Màu nhạt tương tự màu tường.
- B. Màu sắc rực rỡ.
- C. Màu sậm.
- D. Cả 3 ý trên đều sai.

Đáp án trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Chọn	D	C	A	A	D	B	B	A	D	D	D	B	C	B	B

Phân tự luận

Câu 1. Gương có công dụng như thế nào trong trang trí nhà ở?

Trả lời :

- Dùng để soi, trang trí, tạo vẻ đẹp cho căn phòng.
- Tạo cảm giác rộng rãi, sáng sủa cho căn phòng.

Câu 2: Vì sao vào mùa hè, người ta thích mặc áo vải sợi bông, vải sợi tơ tằm và không thích mặc vải nilon, polyeste?

Trả lời :

- Thích mặc vải sợi bông, tơ tằm vì:
- + Vải bông, vải sợi tơ tằm thuộc loại vải sợi thiên nhiên.
- + Hai loại vải này có tính hút ẩm cao, mặc thoáng mát thấm mồ hôi nên người mặc cảm thấy dễ chịu.
- Không thích mặc vải nilon, polyeste vì:
- + Vải nilon, polyeste thuộc loại vải sợi hóa học (sợi tổng hợp).
- + Hai loại vải này có tính hút ẩm kém, mặc bí vì ít thấm mồ hôi, nên người mặc cảm thấy khó chịu.

Câu 3: Em thích trang trí nhà ở bằng hoa tươi, hoa giả hay hoa khô ? Vì sao ?

Trả lời :

- Yêu cầu hs nêu được ưu điểm của loại hoa được chọn để trang trí.
- Ví dụ: Hoa giả: bền, đẹp như hoa thật, có thể giặt được dễ dàng,....

Câu 4: Nêu vai trò của nhà ở đối với đời sống con người. Chúng ta cần làm gì để giữ nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp?

Trả lời :

- Nhà ở:
- + Là nơi trú ngụ của con người.
- + Bảo vệ con người tránh các tác động xấu từ thiên nhiên.
- + Là nơi đáp ứng các nhu cầu về vật chất và tinh thần của con người.
- Các công việc cần làm để giữ nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp:
- Sắp xếp đồ đạc hợp lí, giữ vệ sinh chung.
- Làm đẹp bằng cây cảnh và hoa.
- Trang trí nhà ở bằng các vật như tranh ảnh, gương, rèm...

Câu 5: Nêu ý nghĩa của cây cảnh và hoa trong trang trí nhà ở? Hãy cho ví dụ về tên 2 loại cây cảnh và tên 2 loại hoa được dùng trong trang trí nhà ở.

Trả lời :

- Ý nghĩa của cây cảnh và hoa trong trang trí nhà ở:
- + Làm cho con người cảm thấy gần gũi với thiên nhiên, làm cho căn phòng đẹp, mát mẻ
- + Cây cảnh góp phần làm sạch không khí
- + Đem lại niềm vui, thư giãn cho con người sau những giờ lao động
- + Tăng thu nhập cho gia đình
- Cho đúng tên 2 loại cây cảnh dùng trong trang trí
- Cho đúng tên 2 loại hoa dùng trong trang trí.

Câu 6. Nam là học sinh lớp 6. Bạn có nước da trắng, khuôn mặt bầu bĩnh và vóc dáng nhỏ bé. Em hãy giúp bạn lựa chọn vải, màu sắc, hoa văn của vải và cách may trang phục mặc hàng ngày như thế nào phù hợp với bản thân đồng thời tạo cảm giác gầy hơn, cao hơn?

Trả lời :

- Màu tối, vải trơn, kẻ sọc dọc, hoa văn nhỏ.
- Đường may dọc thân áo
- Kiểu may vừa sát cơ thể.

- ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP SINH 6 - HKI

- **I.Trắc nghiệm:** Khoanh tròn vào chữ cái (a, b, c, d) đứng trước câu trả lời đúng
- **Câu 1.** Thành phần chủ yếu của tế bào thực vật gồm:
- A. Màng sinh chất, nhân, không bào và lục lạp.

- B. Màng sinh chất, chất tế bào, nhân và lục lạp.
- C. Vách tế bào, chất tế bào, nước và không bào.
- D. Vách tế bào, màng sinh chất, chất tế bào và nhân.
- **Câu 2.** Tế bào ở bộ phận nào của cây có khả năng phân chia ?
- A. Tất cả các bộ phận của cây. B. Chỉ ở mô phân sinh
- C. Chỉ phần ngọn của cây. D. Tất cả các phần non có màu xanh của cây.

- **Câu 3:** Củ gừng do bộ phận nào phát triển thành:
- A. Thân B. Lá C. Rễ D. Hoa

- **Câu 4:** Hoa đực là những hoa có:
- A. Có cả nhị và nhụy B. Không có cả nhị và nhụy
- C. Chỉ có nhụy D. Chỉ có nhị

- **Câu 5:** Cây tầm gửi thuộc dạng:
- A. Rễ củ B. Rễ giác mút C. Rễ móc D. Rễ thở

- **Câu 6:** Hoa lưỡng tính là những hoa có:
- A. Có cả nhị và nhụy B. Không có cả nhị và nhụy
- C. Chỉ có nhụy D. Chỉ có nhị

- **Câu 7:** Khi diệt cỏ dại ta phải:
- A. Chặt cây B. Tuốt lá C. Nhổ cả gốc lẫn rễ D. Ngắt ngọn.

- **Câu 8:** Hoa cái là những hoa có:
- A. Có cả nhị và nhụy B. Không có cả nhị và nhụy
- C. Chỉ có nhụy D. Chỉ có nhị

- **Câu 9:** Nhóm cây nào sau đây có hình thức sinh sản sinh dưỡng:
- A. Khoai tây, cà rốt, su hào. B. Khoai tây, cà chua, bắp cải.
- C. Khoai tây, gừng, mía. D. Khoai tây, dưa leo, tỏi.

- **Câu 10:** Hoa đơn tính là những hoa có:
- A. Có cả nhị và nhụy B. Chỉ có nhị hoặc nhụy
- C. Chỉ có nhụy D. Chỉ có nhị

II. Tự luận

- **Câu 1.** Có mấy loại rễ chính? Nêu đặc điểm từng loại rễ ? Mỗi loại rễ cho 5 ví dụ minh họa?
- **Câu 2:** Trình bày cấu tạo ngoài của thân? Giải thích tại sao những cây lấy gỗ người ta thường tỉa cành và những cây ăn quả thường bấm ngọn?
- **Câu 3:** Mô tả thí nghiệm lá cây sử dụng khí cacbonic CO₂ trong quá trình chế tạo tinh bột?
- **Câu 4:** Viết sơ đồ quá trình quang hợp ở cây xanh? Quá trình quang hợp có ý nghĩa gì?

II. ĐÁP ÁN

- **I. Trắc nghiệm:** Mỗi đáp án đúng được 0,4 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	B	A	D	B	A	C	C	C	B

II. Tự luận:

	Đáp án	
Câu 1:	- Rễ cọc: Có một rễ chính to, khỏe; xung quanh mọc nhiều rễ con - Rễ chùm: Các rễ to dài gần bằng nhau mọc ra từ gốc của thân và tạo thành chùm	
Câu 2:	- Cấu tạo ngoài của thân + Thân cây gồm: Thân chính, cành, chồi ngọn và chồi nách. + Chồi nách có 2 loại là chồi hoa và chồi lá.	

	<ul style="list-style-type: none"> + Chồi hoa mang các mầm hoa sẽ phát triển thành hoa. + Chồi lá mang mầm lá sẽ phát triển thành cành mang lá. - Giải thích + Những cây lấy gỗ thường tia cành vì: Tia cành để chất dinh dưỡng tập trung nuôi thân để thân phát triển cho cây cao lên giúp ta thu hoạch gỗ và vỏ cây. + Những cây lấy quả thường bấm ngọn vì: Khi bấm ngọn cây không lên cao, làm cho chất dinh dưỡng tập trung cho chồi hoa phát triển, làm cho chất dinh dưỡng tập trung cho các cành còn lại phát triển đem lại năng suất cao. 	
Câu 3:	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả thí nghiệm lá cây sử dụng khí cacbonic trong quá trình chế tạo tinh bột + Đặt hai chậu cây vào chỗ tối trong 2 ngày để tinh bột ở lá tiêu hết + Sau đó đặt mỗi chậu cây lên tấm kính ướt. Dùng 2 chuông thủy tinh A và B úp ra ngoài mỗi chậu cây. + Trong chuông A cho thêm cốc nước vôi trong, để dung dịch này hấp thụ hết khí Cacbonic của không khí trong chuông. + Đặt cả hai chuông thí nghiệm ra chỗ nắng, sau khoảng 6h, ngắt lá của mỗi cây đưa vào dung dịch còn đun sôi để phá hủy chất diệp lục, sau đó thử tinh bột bằng dung dịch iốt loãng. Lá của chuông A có màu vàng nhạt, lá của chuông B có màu xanh tím. 	
Câu 4	<ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ quang hợp. - Ý nghĩa 	

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ I TIN HỌC 6

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn câu trả lời đúng nhất trong các câu hỏi sau:

Câu 1. Thế nào là hoạt động thông tin?

- A. là tiếp nhận, xử lí, lưu trữ và truyền thông tin
- B. là hoạt động tin học
- C. là hiểu biết của con người
- D. là hoạt động xã hội

Câu 2. Trong hoạt động thông tin thì hoạt động nào là quan trọng nhất?

- A. Tiếp nhận thông tin
- B. Xử lí thông tin
- C. Lưu trữ thông tin
- D. Truyền thông tin

Câu 3. Hoạt động thông tin của con người được thực hiện nhờ những bộ phận nào?

- A. Tay và chân
- B. Bộ não và tay
- C. Bộ não và các giác quan.
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 4. Có mấy dạng thông tin cơ bản?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 5. Đâu là thông tin dưới âm thanh

- A. Một bản nhạc
- B. Một bức tranh
- C. Một bài thơ
- D. Một quyển truyện tranh

Câu 6. Thế nào là biểu diễn thông tin

- A. là mô tả thông tin.
- B. Là truyền thông tin
- C. Là lưu trữ thông tin
- D. Là thể hiện thông tin dưới dạng cụ thể nào đó.

Câu 7. Thông tin lưu trữ trong máy tính được gọi là gì?

- A. Hình ảnh
- B. Âm thanh.
- C. Dữ liệu
- D Hệ điều hành

Câu 8. Đâu là khả năng của máy tính?

- A. Tính toán nhanh và chính xác
- B. Đi lại
- C. Suy nghĩ
- D. Thể hiện cảm xúc

Câu 9. Máy tính chưa thể làm được việc nào sau đây?

- A. Tính toán nhanh
 B. Làm việc không mệt mỏi.
 C. Thể hiện cảm xúc.
 D. Lưu trữ lớn.

Câu 10. Thành phần nào quan trọng nhất trong cấu trúc máy tính điện tử?

- A. Bộ xử lý trung tâm
 B. Bộ nhớ
 C. Thiết bị vào
 D. Thiết bị ra.

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐÁP ÁN	A	B	C	3	A	D	C	A	C	A

PHẦN II. TỰ LUẬN

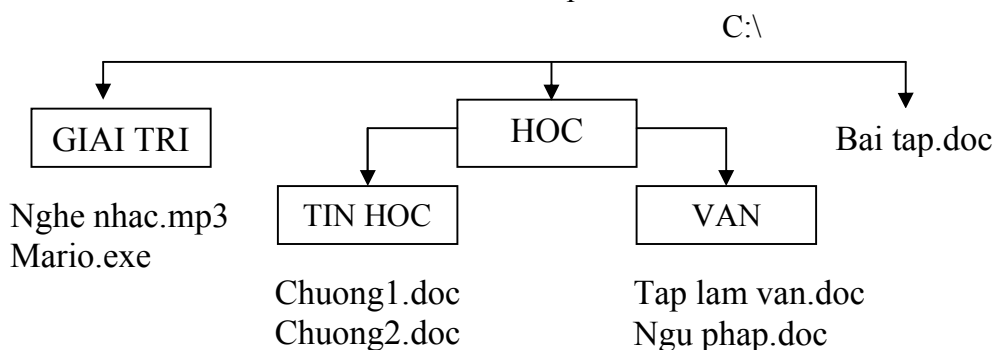
Câu 1: Nhiệm vụ chính của Hệ điều hành là gì? Kể tên 1 số hệ điều hành?

Câu 2: Hãy kể tên một vài thiết bị vào/ra mà em biết?

Câu 3: Cấu trúc chung của máy tính điện tử theo John Von Neumann gồm những bộ phận nào? Chương trình là gì?

Câu 4: Hãy nêu sự khác nhau cơ bản giữa hệ điều hành với một phần mềm ứng dụng.

Câu 5: Trên đĩa C: có cấu trúc thư mục và tập tin như sau:



- Viết đường dẫn đến tệp tin: Ngu phap.doc
- Viết đường dẫn đến thư mục TIN HOC
- Thư mục nào là thư mục rỗng?
- Thư mục nào là thư mục gốc?
- Những tệp tin nào cùng cấp với tệp tin Chuong1.doc

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ I TOÁN 6 NĂM HỌC 2019 - 2020

I. TRẮC NGHIỆM

Bài 1: Khoanh tròn vào đáp án đúng:

Câu 1: Cho $M = \{8;12;14\}$; trong các cách viết sau, cách viết nào đúng ?

- A. $14 \subset M$ B. $\{8;12\} \subset M$ C. $12 \notin M$ D. $\{8\} \in M$

Câu 2: Trong khoảng từ 32 đến 98 có bao nhiêu số chẵn?

- A. 34 B. 35 C. 33 D. 66

Câu 3: Số nào chia hết cho cả 2;3;5;9 trong các số sau?

- A. 45 B. 78 C. 180 D. 210

Câu 4: Kết quả $2^3 \cdot 2^2$ bằng:

- A. 2^6 B. 2^5 C. 4^5 D. 4^6

Câu 5: Cho $A = \{x \in \mathbb{Z} / -3 < x < 1\}$. Số phần tử của tập hợp A là:

- A.3 B.4 C.5 D.6

Câu 6: ƯCLN(12,24,6) là:

A.12 B.6 C.3 D.24

Câu 7: Tổng $21 + 45$ chia hết cho số nào sau đây:

A.3 B.9 C.5 D.7

Câu 8: Kết quả $(-17) + 21$ bằng:

A.-34 B.34 C.- 4 D.4

Câu 9: Kết quả sắp xếp các số $-2 ; -3 ; -101 ; -99$ theo thứ tự tăng dần là :

A. $-2 ; -3 ; -99 ; -101$ B. $-101 ; -99 ; -2 ; -3$
 C. $-101 ; -99 ; -3 ; -2$ D. $-99 ; -101 ; -2 ; -3$

Câu 10. Số nào sau đây là số nguyên tố?

A. 77 B. 57 C. 17 D. 9.

Câu 11: Cho bốn điểm A,B,C,D thẳng hàng. Có số đoạn thẳng là:

A.6 B.5 C.4 D.Một kết quả khác

Câu 12: Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu:

A. $MA=MB$ B. $AM+MB=AB$ C. $AM = MB = \frac{AB}{2}$ D.Đáp án khác

Câu13: Đoạn thẳng MN là hình gồm:

- A. Hai điểm M và N.
- B. Tất cả các điểm nằm giữa M và N.
- C. Hai điểm M , N và một điểm nằm giữa M và N.
- D. Điểm M, điểm N và tất cả các điểm nằm giữa M và N.

Câu 14: Cho 3 điểm A,B,C thẳng hàng biết $AB = 3\text{cm}$, $AC = 2\text{cm}$, $BC = 5\text{cm}$. Trong 3điểm A,B,C điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại ?

A. điểm A B. điểm B C. điểm C D. không có điểm nào

Câu 15: Trong hình bên:



Hai tia đối nhau là:

- A. Bx và By B. Ax và By C. AB và BA D. Ay và Bx

Câu 16. Điểm A không thuộc đường thẳng d được kí hiệu là:

A / $A \subset d$ B / $A \in d$ C / $A \notin d$ D / $d \subset A$

D. không có điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại .

Câu 17. Điểm I là trung điểm của đoạn thẳng MN khi:

A. $IM = IN$ B. $IM = IN = \frac{MN}{2}$
 C. $IM + IN = MN$ D. $IM = 2 IN$

Câu 18. I là trung điểm đoạn thẳng AB, biết $IA = 5\text{cm}$ thì:

A. $AB = 10\text{cm}$ B. $AB = 5\text{cm}$ C. $AB = 2.5\text{cm}$ D. $AB = 1\text{cm}$

Câu 19: Với ba chữ số 4; 0; 5 ghép thành các số tự nhiên có ba chữ số khác nhau thoả mãn điều kiện chia hết cho 2. Số các số tự nhiên ghép được là:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 20: Số nào sau đây **không** là số nguyên tố

A. 17 B. 37 C. 87 D. 47

Câu 21: Số 108 phân tích ra thừa số nguyên tố là

A. 4.3.9 B. 4.3^3 C. $2^2.3.9$ D. $2^2.3^3$

Câu 22: Số lượng ước của số 120 là:

A. 6 B. 16 C. 10 D. 20

Câu 23: BCNN(2; 3; 5) bằng :

A. 30 B. 15 C. 60 D. 10

Câu 24: $U(14) \cap U(21)$ bằng :

A. {2;7} B. {3;7} C. {1;7} D. {1;2;3;7}

Câu 25: ƯCLN(115; 114) bằng :

A. 114 B. 115 C. 5 D. 1

Câu 26: BCNN(30,36) gấp mấy lần ƯCLN(30,36)

A. 30 lần B. 20 lần C. 40 lần D. 180 lần

Câu 27: Số x thỏa mãn biểu thức $3^{x-1} = 9$ là

A. 0 B. 1 C. 3 D. 2

Câu 28: Kết quả $3^3.3^2$ bằng:

A. 3^1 B. 3^5 C. 3^9 D. 3^6

Câu 29 : Trong các số sau số nào là số nguyên tố ?

A. 13 B. 6 C. 15 D. $3.6.11 + 3.4.5$

Câu 30: Kết quả nào sau đây sắp xếp các số theo thứ tự tăng dần

A. -2; -3; -99; -101 B. -101; -99; -2; -3 C. -99; -101; -2; -3 D. -101; -99; -3; -2

B. BÀI TẬP

Bài 1: Viết tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử.

- a) $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 10 < x < 16\}$ d) $D = \{x \in \mathbb{N} \mid 10 < x \leq 100\}$ g) $G = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x \leq 4\}$
 b) $B = \{x \in \mathbb{N} \mid 10 \leq x \leq 20\}$ e) $E = \{x \in \mathbb{N} \mid 2982 < x < 2987\}$ h) $H = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x \leq 100\}$
 c) $C = \{x \in \mathbb{N} \mid 5 < x \leq 10\}$ f) $F = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x < 10\}$

Bài 2: Thực hiện phép tính:

- a) $3.5^2 + 15.2^2 - 26:2$
 b) $5^3.2 - 100 : 4 + 2^3.5$
 c) $84 : 4 + 3^9 : 3^7 + 5^0$
 d) $29 - [16 + 3.(51 - 49)]$
 e) $47 - [(45.2^4 - 5^2.12):14]$
 f) $568 - \{5[143 - (4 - 1)^2] + 10\} : 10$
 g) $128 - [68 + 8(37 - 35)^2] : 4$
 h) $50 - [(20 - 2^3) : 2 + 34]$

Bài 3. Tính

- a) $(-7) + (-14)$ b) $(-20) + |-88|$ c) $12 - 34$ d) $31 - (-23)$
 e) $(-12 - 44) + (-3)$ f) $(-123) + |-13| + (-7)$ g) $(-23) + 13 + (-17) + 57$

Bài 4: Tìm x:

- a) $71 - (33 + x) = 26$
- b) $140 : (x - 8) = 7$
- c) $2x - 49 = 5.3^2$
- d) $4(x - 3) = 7^2 - 1^{10}$
- e) $23 + 3x = 5^6 : 5^3$
- f) $128 - 3.(x+4) = 23$

Bài 5: Tìm các chữ số a, b để:

- | | |
|--|---|
| a) Số $\overline{4a12b}$ chia hết cho cả 2; 5 và 9. | b) Số $\overline{2a19b}$ chia hết cho cả 2; 5 và 9. |
| b) Số $\overline{5a43b}$ chia hết cho cả 2; 5 và 9. | c) Số $\overline{7a142b}$ chia hết cho cả 2 và 9. |
| c) Số $\overline{735a2b}$ chia hết cho cả 5 và 9 nhưng không chia hết cho 2. | d) Số $\overline{2a41b}$ chia hết cho cả 2; 5 và 9. |
| d) Số $\overline{5a27b}$ chia hết cho cả 2; 5 và 9. | e) Số $\overline{40ab}$ chia hết cho cả 2; 5 và 9. |

Bài 6: Lớp 6A có 18 bạn nam và 24 bạn nữ. Trong một buổi sinh hoạt lớp, bạn lớp trưởng dự kiến chia các bạn thành từng nhóm sao cho số bạn nam trong mỗi nhóm đều bằng nhau và số bạn nữ cũng vậy. Hỏi lớp có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu nhóm? Khi đó mỗi nhóm có bao nhiêu bạn nam, bao nhiêu bạn nữ?

Bài 7: Học sinh khối 6 có 195 nam và 117 nữ tham gia lao động. Thầy phụ trách muốn chia ra thành các tổ sao cho số nam và nữ mỗi tổ đều bằng nhau. Hỏi có thể chia nhiều nhất mấy tổ? Mỗi tổ có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?

Bài 8: Một đội y tế có 24 người bác sĩ và có 208 người y tá. Có thể chia đội y tế thành nhiều nhất bao nhiêu tổ? Mỗi tổ có mấy bác sĩ, mấy y tá?

Bài 9. Một số sách xếp thành từng bó 10 quyển, hoặc 12 quyển, hoặc 15 quyển đều vừa đủ bó. Tìm số sách đó, biết rằng số sách trong khoảng từ 100 đến 150.

Bài 10. Một khối học sinh khi tham gia điểu hành nếu xếp hàng 12;15;18 đều dư 7. Hỏi khối có bao nhiêu học sinh? Biết rằng số học sinh trong khoảng từ 350 đến 400 em.

Bài 11. Một xí nghiệp có khoảng 700 đến 800 công nhân biết rằng khi xếp hàng 15; 18; 24 đều dư 13. Tính số công nhân của xí nghiệp.

Bài 12: Trên tia Ox vẽ các đoạn thẳng OA, OB sao cho OA = 3cm, OB = 5cm.

- a. Điểm A có phải là trung điểm của OB không? Vì sao?
- b. Trên Ox lấy điểm C sao cho OC = 1cm. Điểm A có phải là trung điểm của BC không? Vì sao?

Bài 13: Cho đoạn thẳng AB = 4cm. Trên tia AB lấy điểm C sao cho AC = 1cm.

- a. Tính BC.

b. Lấy điểm D thuộc tia đối của tia BC sao cho $BD = 2\text{cm}$. Tính CD

Bài 14: Cho điểm O thuộc đường thẳng xy. Trên tia Ox lấy điểm A sao cho $OA = 3\text{cm}$, Trên tia Oy lấy điểm B, C sao cho $OB = 9\text{cm}$, $OC = 1\text{cm}$

- Tính độ dài đoạn thẳng AB; BC.
- Gọi M là trung điểm của đoạn thẳng BC. Tính CM; OM

Bài 15: Trên tia Ox, lấy hai điểm M, N sao cho $OM = 2\text{cm}$, $ON = 8\text{cm}$

- Tính độ dài đoạn thẳng MN.
- Trên tia đối của tia NM, lấy một điểm P sao cho $NP = 6\text{cm}$. Chứng tỏ điểm N là trung điểm của đoạn thẳng MP.

Bài 16:

- Chứng minh: $\mathbf{A} = 2^1 + 2^2 + 2^3 + 2^4 + \dots + 2^{2010}$ chia hết cho 3; và 7.
- Chứng minh: $\mathbf{B} = 3^1 + 3^2 + 3^3 + 3^4 + \dots + 2^{2010}$ chia hết cho 4 và 13.

Bài 17: Cho $3a + 2b : 17 (a, b \in N)$. Chứng minh rằng: $10a + b : 17$